

Bản án số: 26/2019/HS-ST

Ngày: 22 - 7 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Tâm, nghề nghiệp: Nguyên là giáo viên.
2. Ông Lương Trường Giang, nghề nghiệp: Cán bộ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thạch Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 23/2019/TLST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/HSST-QĐ ngày 29 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10A/2019/HSST-QĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Bùi Đình Đ, sinh năm 1993, tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Bon B, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Đình T và bà Đào Thị L; có vợ là Đào Thị H; chưa có con; bị bắt tạm giam ngày 25/01/2019 đến ngày 22/02/2019 được cho tại ngoại; có mặt.

2. Nguyễn Thị Hương G, sinh ngày 09 tháng 9 năm 2001, tại tỉnh Đắk Nông; nơi cư trú: Bon B, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc K và bà Phan Thị T; chưa có chồng, con; được tại ngoại; có mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Thị Hương G: Bà Phan Thị T, sinh năm: 1967; nơi cư trú: Bon B, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông, là mẹ đẻ; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Hương G: Ông Huỳnh Đ – Luật sư Văn phòng Luật sư Hoài An thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Nông; vắng mặt (bị cáo Nguyễn Thị Hương G có đơn từ chối người bào chữa).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Đào Thị H; sinh năm: 1996; nơi cư trú: Bon B, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; có mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Anh Nguyễn Văn T và anh Lã Tâm H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 8 năm 2018, Bùi Đình Đ mua 12 hộp pháo của một người đàn ông tại tỉnh K (*chưa rõ nhân thân, lai lịch*) với giá 4.800.000đ rồi đem về cất giấu tại nhà ở Bon B, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông để bán lại cho người khác kiếm lời. Nguyễn Thị Hương G là hàng xóm với Đ, qua nói chuyện G biết Đ có pháo bán nên hỏi mua lại của Đ để đem đến thị xã G (là nơi G đang học) bán kiếm lời thì Đ đồng ý bán pháo cho G với giá 1.000.000đ/1 hộp.

Ngày 23/12/2018 thông qua mạng xã hội Facebook, đối tượng tên T (*chưa rõ nhân thân, lai lịch*) liên hệ với G để mua 02 hộp pháo thì G đồng ý, sau đó G gọi cho Đ mua 02 hộp pháo với giá 2.000.000đ rồi bán lại cho T với giá 2.300.000đ. Ngày 01/01/2019, Lã Tâm H trú tại thôn P, xã Đ, thị xã G liên hệ với G qua mạng xã hội và điện thoại để mua 30 hộp pháo về sử dụng. G nhắn tin với Đ để lấy pháo bán cho H thì Đ nói chỉ còn 10 hộp, G đồng ý lấy và nói Đ đem pháo đến phòng trọ của G tại tổ 2, phường T, thị xã G. Sau đó Đ lấy 10 hộp pháo bỏ vào vali, điều khiển xe mô tô BKS 48B1-431.10 chạy đến phòng trọ của G, rồi chờ G đi giao pháo cho H. Khi đi đến cầu Đắk Nia thuộc tổ 6, phường N, thị xã G, Đ và G dừng lại chờ H đến nhận pháo thì bị lực lượng chức năng kiểm tra, phát hiện và thu giữ toàn bộ số pháo trên.

Vật chứng của vụ án:

- 10 thùng catton kích thước (43x32x32)cm đựng 10 khối hình hộp chữ nhật, có kích thước 17cmx17cmx10cm, bên ngoài bọc giấy nhiều màu sắc, trên các khối hình hộp đều có in chữ “KK0049 HAPPYBOOM, KKFIKE WOKKS” Made in China, bên trong có 49 ống giấy hình trụ tròn, dài 10cm, đường kính 2,3cm;

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, kiểu dáng Exciter, màu đỏ đen, BKS: 48B1- 431.10, số máy: G3D4E299655; số khung: 0610GY285544 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS: 48B1-431.10 (thu giữ của Bùi Đình Đ).

- 01 điện thoại di động Vivo, màu trắng, số IMEI 1: 863689038672412; số IMEI2: 863689038672404, gắn 02 sim số 0963958063 và sim số 0886400085 (thu giữ của Bùi Đình Đ).

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu trắng đen, số seri 1: 357321087593686; số seri 2: 357321087593694, gắn 02 sim (sim 01: 0385724007; sim số 2: 0889041654); 01 điện thoại di động Iphone 5S, màu vàng đồng, số IMEI: 058808058609482 (thu giữ của Nguyễn Thị Hương G);

- Số tiền 2.300.000đ thu giữ của Đ và G (trong đó của Đ 2.000.000đ, của G 300.000đ).

Tại Kết luận giám định số 730/C09B ngày 04/01/2019 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh thuộc Tổng cục Cảnh sát kết luận vật chứng gửi giám định là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ. Bên trong có thành phần của thuốc pháo, khi đốt bay lên cao, nổ và phát ra ánh sáng màu, có khối lượng 19 kg.

Đối với 02 hộp pháo Đ và G đã bán cho T vào ngày 23/12/2018, do không thu giữ được nên không có căn cứ để xác định loại và khối lượng pháo.

Tại bản Cáo trạng số 20/CT -VKS ngày 25/4/2019 Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gia Nghĩa đã truy tố các bị cáo Bùi Đình Đ và Nguyễn Thị Hương G về tội “Buôn bán hàng cấm” theo điểm c, khoản 1 Điều 190 của Bộ luật Hình sự.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 190, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Đình Đ từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 năm đến 04 năm; áp dụng điểm c khoản 1 Điều 190, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 101 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hương G từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm.

Việc xử lý vật chứng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 19 kilôgam pháo hoàn trả sau giám định; tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S, 03 sim số 0385724007, 0889041654, 0963958063 và số tiền 2.300.000đ theo giấy ủy nhiệm chi ngày 08/5/2019. Chấp nhận Cơ quan điều tra trả lại 01 xe mô tô, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, 01 điện thoại hiệu Vivo và 01 sim số 0886400085 cho chị Đào Thị H.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận Viện kiểm sát truy tố về tội danh và điều luật như Cáo trạng là đúng, không oan. Các bị cáo không trình bày lời bào chữa, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác lưu tại hồ sơ vụ án nên có căn cứ xác định: Ngày

01/01/2019 Bùi Đình Đ và Nguyễn Thị Hương G thực hiện hành vi bán 19 kilôgam pháo nổ để thu lợi bất chính. Theo quy định của Nhà nước, pháo là loại hàng hoá bị cấm lưu thông (kinh doanh). Do đó hành vi của các bị cáo đã phạm tội “Buôn bán hàng cấm”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 190 của Bộ luật Hình sự.

Điều 190 của Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại các điều 232, 234, 244, 246, 248, 251, 253, 254, 304, 305, 306, 309 và 311 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) ... Buôn bán pháo nổ từ 06 kilôgam đến dưới 40 kilôgam;

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, đã xâm phạm đến chế độ quản lý đối với các loại hàng hóa mà Nhà nước cấm lưu thông, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ điều kiện để nhận thức rõ mình đang thực hiện hành vi buôn bán loại hàng hóa bị Nhà nước cấm nhưng vẫn thực hiện để thu lợi bất chính. Do vậy, cần xử phạt mức hình phạt đủ nghiêm nhằm giáo dục các bị cáo và phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Ngoài ra, các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước.

[5] Các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Bị cáo Nguyễn Thị Hương G khi thực hiện hành vi phạm tội là người dưới 18 tuổi nên cần áp dụng Điều 91, khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự khi quyết định mức hình phạt đối với bị cáo G.

[6] Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cần xử phạt hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách vừa đảm bảo được mục đích của hình phạt, vừa giúp đỡ các bị cáo sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo Bùi Đình Đ làm nông, thu nhập không ổn định; bị cáo Nguyễn Thị Hương G chưa đủ 18 tuổi, đang sống phụ thuộc gia đình nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Đối với người đàn ông đã bán pháo cho Đ và đối tượng tên T, là người đã mua pháo của Đ và G, hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch. Cơ quan cảnh sát điều tra đang tiếp tục điều tra, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau là phù hợp.

Đối với hành vi của Lã Tâm H, do H chưa mua được pháo từ Đ và G, đồng thời khi biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật H đã tự nguyện trình báo với Cơ quan điều tra để phát hiện tội phạm nên không xử lý H là phù hợp.

[9] Về xử lý vật chứng:

Đối với 19 kilôgam pháo hoàn trả sau giám định, đây là vật mà Nhà nước cấm sản xuất, mua, bán, tàng trữ, sử dụng trái phép nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S, 03 sim số 0385724007, 0889041654, 0963958063, đây là phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 2.300.000đ, đây là tiền do các bị cáo phạm tội mà có nên cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 xe mô tô, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô và 01 điện thoại hiệu Vivo, 01 sim số 0886400085, đây là tài sản chung của Bùi Đình Đ và chị Đào Thị H, Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại cho chị H là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[10] Xét các chứng cứ buộc tội và quan điểm đề nghị về mức hình phạt đối với các bị cáo, về xử lý vật chứng của Viện kiểm sát là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Đình Đ.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị Hương G.

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Đình Đ và bị cáo Nguyễn Thị Hương G phạm tội “Buôn bán hàng cấm”.

Xử phạt:

Bị cáo Bùi Đình Đ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 22 tháng 7 năm 2019.

Bị cáo Nguyễn Thị Hương G 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 22 tháng 7 năm 2019.

Giao bị cáo Bùi Đình Đ và bị cáo Nguyễn Thị Hương G cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông để giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo có

trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 19 kilôgam pháo nổ hoàn trả sau giám định.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 2.300.000đ tại giấy ủy nhiệm chi lập ngày 08/5/2019 và 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S, 03 sim số 0385724007, 0889041654, 0963958063 *(có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/4/2019)*.

Chấp nhận việc Cơ quan điều tra Công an thị xã G trả lại 01 xe mô tô, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, 01 điện thoại hiệu Vivo, 01 sim số 0886400085 cho chị Đào Thị H.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc Bùi Đình Đ, Nguyễn Thị Hương G mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Phòng PC06, PV10 Công an tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thị xã Gia Nghĩa;
- Cơ quan CSĐT Công an thị xã G;
- Cơ quan THAHS Công an thị xã G;
- Chi cục THADS thị xã G;
- UBND xã T;
- Các bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị cáo;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Đỗ Thị Thắm